

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản
thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 thuộc thẩm quyền quản lý và cấp phép của UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đất, cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 thuộc thẩm quyền quản lý và cấp phép của tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 107/STNMT-TNKS ngày 29 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung các mỏ đất làm vật liệu san lấp vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, bao gồm:

1. Các khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 65 Luật Khoáng sản (cụ thể như Phụ lục 1 kèm theo).

2. Các khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được quy hoạch khai thác để cung cấp nguyên vật liệu phục vụ xây dựng các công trình sử dụng ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông; công trình thủy lợi, thủy điện); công trình khắc phục thiên tai, địch họa; khu vực có khoáng sản dùng làm vật liệu san lấp phục vụ công trình hạ tầng giao thông, công trình phúc

lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới (cụ thể như Phụ lục 2 kèm theo).

Điều 2.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì:

- Triển khai, công bố công khai khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại trụ sở làm việc; sao gửi tài liệu kết quả cho các Sở, Ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

- Căn cứ khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt, phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức công tác quản lý hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. UBND các huyện, thị xã và thành phố có trách nhiệm: Căn cứ khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt, tổ chức công tác quản lý hoạt động khoáng sản theo đúng quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này bổ sung Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ; Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. //

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Cục Kiểm soát HĐKS miền Trung;
- CT, PCT UBND tỉnh: Trần Châu;
- Sở TC; Cục Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, K4. *me*



Trần Châu

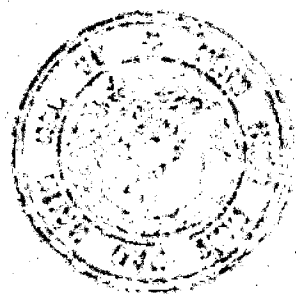


PHỤ LỤC 1

Các khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 65 Luật Khoáng sản bổ sung vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Diện tích, vị trí khu vực mỏ	Hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3°, kinh tuyến trực 108°15		
		Điểm	X(m)	Y(m)
1	Diện tích 7,4ha tại núi Một, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn	1	1.535.755	571.260
		2	1.535.625	571.360
		3	1.535.370	570.980
		4	1.535.495	570.885
2	Diện tích 1,84ha tại núi Trái, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn	1	1.540.183	585.652
		2	1.540.183	585.822
		3	1.540.292	585.822
		4	1.540.292	585.652

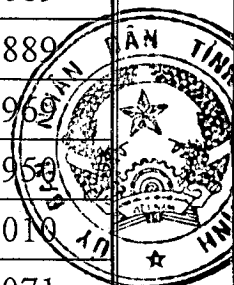


PHỤ LỤC 2

Các khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được quy hoạch khai thác để cung cấp nguyên vật liệu phục vụ xây dựng các công trình sử dụng ngân sách nhà nước (phát triển hạ tầng giao thông, công trình thủy lợi, thủy điện); công trình khắc phục thiên tai, địch họa; khu vực có khoáng sản dùng làm vật liệu san lấp phục vụ công trình hạ tầng giao thông, công trình phúc lợi thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới bổ sung vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

(Kèm theo Quyết định số ~~439~~⁴³⁹/QĐ-UBND ngày ~~13~~⁰² tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Diện tích, vị trí khu vực mỏ	Hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3°, kinh tuyến trực 108°15		
		Điểm	X(m)	Y(m)
1	Diện tích 5,2ha tại thôn Tân Nghi, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn	1	1.543.898	583.889
		2	1.543.788	583.889
		3	1.543.788	583.969
		4	1.543.425	583.950
		5	1.543.426	584.010
		6	1.543.491	584.071
		7	1.543.777	584.074
		8	1.543.783	584.014
		9	1.543.889	584.020
2	Diện tích 01ha, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	1	1.560.298	599.480
		2	1.560.168	599.569
		3	1.560.132	599.516
		4	1.560.269	599.427
3	Diện tích 5,6ha tại thôn Nam Giang, xã Tây Giang, huyện Tây Sơn	1	1.538.681	561.560
		2	1.538.688	561.505
		3	1.538.780	561.356
		4	1.538.804	561.232
		5	1.538.953	561.289
		6	1.538.976	561.408
		7	1.538.875	561.534



4	Diện tích 02ha thuộc núi Một, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát	1	1.554.113	584.090
		2	1.554.250	584.084
		3	1.554.207	583.920
		4	1.554.100	583.920
5	Diện tích 02 ha tại núi Một, xã Cát Hanh, huyện Phù Cát	1	1.554.380	584.066
		2	1.554.250	584.084
		3	1.554.207	583.920
		4	1.554.316	583.907
6	Diện tích 2ha tại núi Hóc Giăng, xã Cát Tường, huyện Phù Cát.	1	1.546.313	594.551
		2	1.546.393	594.580
		3	1.546.452	594.564
		4	1.546.515	594.458
		5	1.546.393	594.401
7	Diện tích 4,2ha tại xã Tây An, huyện Tây Sơn	1	1.544.526	581.057
		2	1.544.530	581.205
		3	1.544.667	581.334
		4	1.544.749	581.245
		5	1.544.663	581.069
8	Diện tích 02ha tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát	1	1.546.228	594.656
		2	1.546.369	594.721
		3	1.546.453	594.707
		4	1.546.465	594.815
		5	1.546.403	594.846
		6	1.546.288	594.766
9	Diện tích 1,7ha thuộc thôn Chánh Nhơn, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát	1	1.546.228	594.656
		2	1.546.369	594.721
		3	1.546.366	594.587
		4	1.546.238	594.535
10	Diện tích 3,1ha thuộc núi	1	1.546.393	594.401

	Hóc Giăng, xã Cát Tường, huyện Phù Cát	2	1.546.515	594.458
		3	1.546.622	594.294
		4	1.546.537	594.176

3/11